| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN DƯƠNG**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 202/2019/QĐST-HNGĐ | *An Dương, ngày 03 tháng 9 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 310/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Anh Đỗ Văn B; Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng và chị Trần Thị N; Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn B và chị Trần Thị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục đoàn tụ và hiện tại đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh B và chị N thuận tình ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Đỗ Văn B và chị Trần Thị N thỏa thuận đề nghị Tòa án giao con chung Đỗ Thị X, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2002 cho anh B nuôi dưỡng. Xét thấy, quan điểm của anh B và chị N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Văn B và chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[4] Đối với con chung Đỗ Tiến Đ1, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1999 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

[5] Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn B và chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Văn B và chị Trần Thị N thỏa thuận anh B chịu cả lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xét thấy, quan điểm của anh B và chị N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn B và chị Trần Thị N.

- Về con chung: Anh Đỗ Văn B nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị X, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2002 đến khi con chung Đỗ Thị X đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị N và anh Đỗ Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với con chung Đỗ Tiến Đ1, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1999 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống

- Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn B và chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Văn B chịu cả 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh B đã nộp theo Biên lai thu tiền số 4425 ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Anh B đã nộp đủ lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Đ;
- Lưu: HCTP, hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Trương Minh Huế**